

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu đô thị mới (Quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi Tuần Quán), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét Báo cáo thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái số 162/BC-HĐTĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu đô thị mới (Quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi Tuần Quán), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 417/QLDA-KHTH ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 223/TTr-STNMT ngày 02 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu đô thị mới (Quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi Tuần Quán), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái (sau đây gọi là

Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái; Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Bộ TN và MT;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo)
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC:
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI (QUỸ ĐẤT TRÊN TRỤC ĐƯỜNG CẦU BÁCH LÂM ĐI TUẦN QUÁN), PHƯỜNG YÊN NINH, THÀNH PHỐ YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số: **917** /QĐ-UBND ngày **05** tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Xây dựng khu đô thị mới (Quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lâm đi Tuần Quán), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Địa điểm thực hiện dự án: phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây tỉnh Yên Bái.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án được thực hiện san tạo mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật quỹ đất Bách Lâm tại khu vực phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái với diện tích khoảng 8,8 ha và đền bù giải phóng mặt bằng khu vực đổ thải của dự án dự kiến khoảng 12,92 ha tại Tổ 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái. Trong đó khu vực bãi đổ thải diện tích đất lúa trồng 01 vụ trong năm là 431,9 m²; đất chuyên trồng lúa nước là 11.579 m².
- Quy mô dân số tối đa Dự án: 1.800 người (trong đó dân cư sinh sống tại khu vực dự án là 1.200 người và khoảng 600 người là nhân viên, cán bộ trung tâm thương mại và khách vãng lai).

- Tọa độ khu vực thực hiện dự án như sau:

Tên cọc	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)		Tên cọc	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
1	2401776.47	514481.34	3	2401456.15	514873.19
2	2401613.13	514960.33	4	2401572.45	514474.06

- Tọa độ khu vực bãi đổ thải dự án như sau:

Tên cọc	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)		Tên cọc	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
1	2399010.74	512803.62	19	2398980.66	513214.96
2	2398942.44	512912.71	20	2399048.65	513230.77
3	2398909.30	512940.20	21	2399064.35	513227.05
4	2398881.71	512977.42	22	2399082.96	513233.55

5	2398844.04	513014.30	23	2399093.89	513225.53
6	2398812.35	513044.59	24	2399115.04	513191.89
7	2398768.92	213076.04	25	2399104.24	513104.62
8	2398760.20	513101.55	26	2399084.56	513011.15
9	2398721.77	513137.56	27	2399099.95	512985.84
10	2398702.73	513173.53	28	2399096.91	512932.63
11	2398653.73	513196.68	29	2399086.02	512927.38
12	2398619.61	513236.89	30	2399083.09	512918.01
13	2398626.58	513257.68	31	2399083.90	512908.52
14	2398747.34	513383.54	32	2399060.21	512863.75
15	2398873.05	513258.55	33	2399058.16	512856.98
16	2398890.90	513234.82	34	2399053.21	512853.41
17	2398908.44	513225.70	35	2399022.61	512845.60
18	2398955.34	513221.04	36	2399029.91	512824.61

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

a) San tạo tổng mặt bằng: San gạt mặt bằng tạo quỹ đất khu dân cư với tổng diện tích đất chiếm dụng 87.740,67 m², trong đó: Diện tích đất giao thông 19.031,84 m²; diện tích phát triển quỹ đất + nhà ở xã hội 22.059,21 m²; diện tích đất tái định cư 3.910,07 m²; diện tích đất cây xanh 3.028,68 m²; diện tích đất thương mại dịch vụ 25.541,77 m²; diện tích đất thể dục thể thao + nhà văn hóa 1.483,13 m²; diện tích đất khác (taluy, lối thoát hiểm) 12.685,97 m². Số lô đất dự kiến 151 lô.

b) Tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng và đổ thải với diện tích 12,9 ha tại Tổ 5, phường Hợp Minh.

c) Hệ thống giao thông nội bộ quỹ đất khu dân cư

- Đường nội bộ loại I với bề rộng nền đường $B_n = 20,5$ m; bề rộng mặt đường $B_m = 10,5$ m; bề rộng vỉa hè $B = 2 \times 5 = 10$ m.

- Đường nội bộ loại II với bề rộng nền đường $B_n = 17,5$ m; bề rộng mặt đường $B_m = 7,5$ m; bề rộng vỉa hè $B = 2 \times 5 = 10$ m.

- Đường nội bộ loại III với bề rộng nền đường $B_n = 15$ m; bề rộng mặt đường $B_m = 7,0$ m; bề rộng vỉa hè $B = 2 \times 4 = 8$ m.

- Đường nội bộ loại IV với bề rộng nền đường $B_n = 11$ m; bề rộng mặt đường $B_m = 7,0$ m; bề rộng vỉa hè $B = 2 \times 2 = 4$ m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, rãnh dọc, bó vỉa, vỉa hè; hệ thống điện sinh hoạt; nước sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ tại quỹ đất khu dân cư.

Các hoạt động của dự án gồm hoạt động thi công xây dựng, vận hành công trình (*quá trình sinh hoạt của các hộ dân cư trong khu vực và hoạt động của các phương tiện giao thông, ...*).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án thực hiện chuyển đổi 12.010,9 m² đất trồng lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.
- Phát quang thảm thực vật.
- Đào, đắp, san tạo mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển đất đá thải và nguyên vật liệu.
- Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án.
- Hoạt động thương mại, dịch vụ trong khu vực dự án.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục, công trình.
- Hoạt động thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại khu vực quỹ đất Bách Lãm, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái:
 - + Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng khoảng 06 m³/ngày đêm. Thành phần

chủ yếu là nhu cầu oxy sinh học (BOD_5), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO_4^{3-}), tổng Coliforms.

+ Nước thải thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng khoảng $3,0 m^3/ngày$ đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng.

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh từ quá trình nước mưa rơi trên bề mặt công trường thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh khoảng $231,28 m^3/ngày$ đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng. Ngoài ra, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất đá,...

- Tại khu vực bãi đổ thải Tổ 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái:

Nước mưa chảy tràn: Phát sinh từ quá trình nước mưa rơi trên bề mặt công trường thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh khoảng $209,86 m^3/ngày$ đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng. Ngoài ra, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất đá,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân với lưu lượng khoảng $270 m^3/ngày$ đêm. Thành phần chủ yếu là nhu cầu oxy sinh học (BOD_5), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO_4^{3-}), tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề của dự án với lưu lượng phát sinh khoảng $520,39 m^3/ngày$ đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), bùn, đất đá,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại khu vực quỹ đất Bách Lãm, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông và máy móc thi công; quá trình đào đắp, san nền, bốc xúc và vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu; xây dựng các hạng mục công trình của dự án, ... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x , SO_2 ,...

- Tại khu vực bãi đổ thải tổ 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động phát quang thảm thực vật, phá dỡ công trình; hoạt động của các phương tiện giao thông và máy móc; quá trình đổ, lu nền đất đá thải, ... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x , SO_2 ,...

b) Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, khí thải từ quá trình đun nấu,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x , SO_2 , bụi,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại khu vực quỹ đất Bách Lãm, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường với tổng khối lượng phát sinh khoảng 54 kg/ngày.
 - + Chất thải rắn xây dựng: Vật liệu xây dựng thải phát sinh từ quá trình thi công với tổng khối lượng khoảng 59,21 tấn/giai đoạn.
 - + Đất đá thải từ quá trình san gạt, đào đắp: 802.039,9 m³ tương đương 1.203.059,85 tấn.
- Tại khu vực bãi đổ thải Tô 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái:
 - + Sinh khối phát sinh từ phát dọn thực bì: Tổng lượng sinh khối phát sinh khoảng 406,51 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là cành, lá, rễ cây.
 - + Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 105 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là gạch vỡ hỏng, sắt thép, ống nhựa, cốp pha,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân với tổng khối lượng khoảng 1.620 kg/ngày.
- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung với khối lượng khoảng 38,6 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công và sinh hoạt của công nhân tại công trường với tổng khối lượng phát sinh khoảng 0,144 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay; bóng đèn huỳnh quang thải; vỏ chai đựng dầu nhớt; ốc quy hỏng; các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu, mỡ;...

b) Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày sửa chữa thiết bị của người dân với tổng khối lượng phát sinh khoảng 1,08 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, dầu mỡ thải; giẻ lau dính dầu,.....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng và hoạt động của phương tiện vận chuyển.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu đô thị; các phương tiện, thiết bị, máy móc của người dân, khách vãng lai trong khu đô thị và khách đến trung tâm thương mại, dịch vụ.

3.4. Các tác động môi trường khác và sự cố môi trường của dự án

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Dự án chuyển đổi 431,9 m² đất lúa trồng 01 vụ trong năm và 11.579 m² đất chuyên trồng lúa nước. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân có đất bị thu hồi.

- Nguy cơ sạt lở ta luy trong quá trình đánh đất san tạo mặt bằng của dự án.
- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: sự cố do thiên tai (mưa bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ; vỡ, hỏng đường ống cấp, thoát nước,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại khu vực quỹ đất Bách Lãm, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động (*kích thước mỗi nhà vệ sinh di động là cao x rộng = 2m x 1,5m; dung tích bể chứa chất thải 200 lít; được làm từ vật liệu composite*). Định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

+ Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào tràn thoát nước chạy bao quanh khu vực của Dự án dài 850 m (*kích thước 0,6 m x 0,6 m*), trên tuyến rãnh bố trí các hố thu nước (*khoảng cách trung bình 40 m/01 hố*). Nước mưa sau thu gom, lắng cặn được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Định kỳ sau mỗi đợt mưa đơn vị tiến hành nạo vét bùn đất trong rãnh thoát nước và hố thu.

+ Nước thải thi công xây dựng: Bố trí rãnh tạm đào tràn để thu gom nước thải thi công (*kích thước 0,6 m x 0,6 m*), 04 hố lắng sơ bộ (*kích thước 2,0 m x 2,0 m x 1,0 m*) có đặt vách ngăn để thu váng dầu, tách cặn rắn lơ lửng trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Tại khu vực bãi đổ thải Tổ 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái:

+ Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy về phía địa hình thấp hơn trong khu vực và không thoát ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án thực hiện đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung nhằm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh với công suất 300 m³/ngày đêm. Các hộ gia đình và chủ các công trình thương mại, dịch vụ trong quá trình xây dựng phải đầu tư xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ, toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sau đó theo hệ thống ống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

- Thông số kỹ thuật trạm xử lý nước thải như sau:

TT	Danh mục	Thời gian lưu nước (h)	Thể tích hữu ích (m ³)	Thể tích thiết kế (m ³)
1	Bể gom kết hợp lắng cát	1	12,5	27
2	Bể điều hòa	7	87,5	119
3	Bể thiếu khí (Anoxic)	5	62,5	87
4	Bể hiếu khí (Aerobic)	12	150	188

5	Bể lắng sinh học	3	37,5	58
6	Bể trung chuyển	20 phút	5	6
7	Bể tiếp xúc và khử trùng	1	12,5	12
8	Bể chứa và nén bùn	1	10	9

+ Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn theo đường ống dẫn thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm, gồm: bể thu gom, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng sinh học, bể trung chuyển. Cuối cùng nước thải được dẫn về bể tiếp xúc khử trùng có sử dụng máy sục khí Ozone trước khi thải ra ngoài môi trường. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm sang bể chứa và nén bùn và định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (hệ số K=1,0) trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Ozone.

+ Vật liệu sử dụng: Giá thể MBBR, mật rỉ đường.

- Nước mưa chảy tràn: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa như sau:

+ Các hộ gia đình, các khu vực thương mại, dịch vụ trong phạm vi Dự án có mặt tiền lộ đất hướng ra đường nối từ cầu Bách Lãm đi cầu Tuần Quán và trục đường nối từ cầu Bách Lãm đi đường Yên Ninh thoát nước mưa bằng rãnh bê tông B800 sẵn có của các trục đường trên.

- Các hộ gia đình còn lại thoát nước bằng hệ thống rãnh dọc B600, B800 hai bên các tuyến đường nội bộ của dự án. Rãnh dọc có đáy và thành đồ bằng bê tông M200, có nắp đan đáy kín, trung bình 20m theo chiều dài rãnh bố trí một hố thu nước mặt đường vào rãnh dọc có chiều dày đáy và thành hố thu B=15cm, trên miệng hố thu nước được đặt tấm chắn rác bằng gang đúc.

- Các tuyến đường trục nội bộ bố trí 09 cống thoát nước ngang đường B75, có đáy, thành và tấm đan đáy cống bằng bê tông.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại khu vực quỹ đất Bách Lãm, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái:

+ Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực thực hiện dự án như: Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động; vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi dự án (*tiến hành phun rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường*); các phương tiện vận chuyển (*nguyên vật liệu*) phải có bạt che phủ; sử dụng các phương tiện thi công, vận chuyển còn niên hạn sử dụng và được đăng kiểm theo quy định; kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển theo quy định; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm; phun tưới nước trên mặt bằng khu vực có hoạt động thi công với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (*vào thời điểm thời tiết hanh khô*); bố trí công nhân vệ sinh trên công trường để thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến

đường vận chuyển đồ thải; không tập trung phương tiện vận chuyển vào các thời điểm từ 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều hàng ngày.

+ Giảm thiểu tác động từ tưới nhựa đường, trải asphan: Yêu cầu người lao động phải sử dụng các trang bị bảo hộ lao động thích hợp trong khi suốt quá trình tưới nhựa đường như: Khẩu trang, găng tay chống nhiệt có măng sắt cài khít cổ tay; mang bảo vệ mắt và mặt. Quần áo bảo hộ lao động có măng sắt đầy đủ dài trùm qua cổ găng tay, ống quần dài đủ trùm qua cổ giày bảo hộ lao động. Giày bảo hộ lao động đế mềm, cách nhiệt, mũi cứng. Mũ cứng, có dải che gáy. Quần áo bản do dính nhựa đường cần được loại bỏ hay giặt khô để tránh việc nhựa đường thấm vào quần áo bên trong.

- Tại khu vực bãi đổ thải Tổ 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực bãi đổ thải dự án như: các phương tiện vận chuyển (*nguyên vật liệu*) phải có bạt che phủ; sử dụng các phương tiện thi công, vận chuyển còn niên hạn sử dụng và được đăng kiểm theo quy định; kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển theo quy định; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm; bố trí công nhân vệ sinh trên công trường để thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đồ thải; không tập trung phương tiện vận chuyển vào các thời điểm từ 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều hàng ngày.

b) Giai đoạn hoạt động

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

- Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định.

- Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại Dự án: Tuyên truyền, vận động, khuyến cáo các hộ dân hạn chế sử dụng bếp than, bếp tổ ong trong nấu ăn. Tuyệt đối không nấu ăn tại khu vực hành lang và khu vực công cộng. Tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

- Mùi, khí từ trạm xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế; xây dựng trạm xử lý bảo đảm không ảnh hưởng đến chủ sử dụng đất xung quanh. Mùi khí phát sinh từ các bể của hệ thống sẽ được thu gom và xử lý qua tháp xử lý công suất 200-250 m³/giờ trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Yêu cầu nồng độ bụi, khí thải khu vực dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công trường được thu gom, lưu giữ bằng 08 thùng rác có nắp đậy bằng composite, dung tích mỗi thùng 200 lít. Chất thải có thể tái chế được bán cho đơn vị thu mua phế liệu; phần chất thải không thể tái chế thì hợp đồng với Công ty Cổ phần và năng lượng Nam Thành Yên Bái định kỳ đến thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn xây dựng:

- Tại khu vực quỹ đất Bách Lãm, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái:

+ Gạch vỡ, cát, bê tông vỡ được thu gom tập kết tại khu tập kết chất thải xây dựng sử dụng bạt phủ sau đó tận dụng lại để cứng hoá bề mặt khu vực thi công xây dựng.

+ Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Đất đá thải từ hoạt động đào đắp, san tạo mặt bằng: Đổ thải tại bãi đổ thải của dự án với diện tích thu hồi giải phóng mặt bằng là 129.202,6 m², diện tích đổ thải là 79.613,33 m², tổng trữ lượng bãi đổ thải khoảng 808.030,53 m³ tại Tổ 5 phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái để lưu chứa toàn bộ lượng đất đá đổ thải (802.039,9 m³) của dự án. Chiều cao đổ thải trung bình 10,5 m, riêng tại khu vực bãi thải giáp Đàm Trâu chiều cao đổ thải là 6 m - 10 m.

Có biện pháp đảm bảo an toàn bãi thải, thực hiện đổ thải như sau: đổ từ dưới lên, có máy móc để lu lèn, san gạt, đổ thải đúng theo thiết kế bãi thải, đúng khối lượng thiết kế, không làm cản trở thoát nước.

- Tại khu vực bãi đổ thải Tổ 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái:

+ Sinh khối phát sinh từ phát dọn thực bì: Tiến hành thu gom sinh khối trên khu vực dự án; phân gỗ, củi thì bán hoặc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu: Được đổ thải tại chỗ tại khu vực bãi đổ thải.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tại các hộ gia đình tự bố trí các thùng đựng rác để thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Các loại chất thải được phân loại tại nguồn trước khi đem đi thu gom xử lý. Dọc tuyến đường chính bố trí các thùng thu gom chất thải chuyên ra khu tập kết rác thải tập trung của dự án (bố trí cạnh khu xử lý nước thải) để đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn xã thu gom, vận chuyển đi xử lý.

Các hộ gia đình, trung tâm thương mại dịch vụ tự thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Dọc tuyến đường chính bố trí các thùng thu gom chất thải rắn di động, dung tích 250 lít, có nắp kín. Toàn bộ chất thải rắn sau đó được thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay về tập kết tại 02 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tập trung (điểm cạnh khu xử lý nước thải và điểm gần trung tâm dịch vụ gần ba đầu nối vào đường hiện trạng).

- Chất thải rắn thông thường:

+ Toàn bộ chất thải phát sinh từ hoạt động phát dọn, chăm sóc cây xanh, nạo vét rãnh nước, hồ thu được tận dụng bón vào các gốc cây trong diện tích cây xanh của dự án.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại của dự án được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa đặt trong kho lưu giữ tạm thời CTNH 10 m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại của dự án được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa đặt trong kho lưu giữ CTNH 20 m² được bố trí gần khu xử lý nước thải tập trung; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Kiểm soát thời gian và các hoạt động xây dựng cơ bản trên công trường; sử dụng các thiết bị có mức ồn thấp; hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây tiếng ồn, rung; bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn trong trường hợp không cần thiết; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

4.3.2. Giai đoạn hoạt động: Lập nội quy ra/vào khu vực; bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng 12.010,9 m² đất trồng lúa. Chủ dự án phải nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các quy định khác có liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng được hướng dẫn kiến thức cơ bản về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật

giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường (*đoạn ra vào dự án*).

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; trang bị hệ thống chống sét cho các tòa nhà của dự án.

- Đối với sự cố công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố, thuê đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển nước thải đến cơ sở có chức năng xử lý tạm thời. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt QCVN trước khi xả thải ra môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát (*04 vị trí*): Khu vực công dự án; gần khu dân cư cách dự án 200m; tuyến đường vận chuyển trên đường QL37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; tuyến đường vận chuyển đất đá thải trên đường nối QL37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát môi trường nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát (*04 vị trí*): Mẫu nước thải sau mỗi hố lắng sơ bộ.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ, coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

c) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát (*03 vị trí*): Mẫu nước mặt tại Sông Hồng trên khu vực dự án về thượng lưu; Mẫu nước mặt tại sông Hồng dưới khu vực dự án về hạ lưu; mẫu nước mặt tại khu dân cư trên trục đường Bảo Lương cách khu vực dự án khoảng 200 m.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, nhiệt độ, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, Pb, Cd, Fe, As, PO₄³⁻, Cl, dầu mỡ tổng, Coliform.

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B).

d) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất: Hằng ngày.

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn chất thải nguy hại

đ) Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sạt lún, sạt lở.

- Tần suất: Thường xuyên.

5.2 Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát nước thải

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm

+ Tần suất: Theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (hệ số K=1).

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3 Giám sát giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm

+ Tần suất: 6 tháng/lần

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (hệ số K=1).

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

6.1. Chủ dự án chỉ được triển khai thực hiện dự án sau khi đã hoàn thành các thủ tục về đất đai đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.2. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.3. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

6.4. Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án; chỉ được đổ thải sau khi đã hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa tại vị trí đổ thải theo đúng quy định của pháp luật.

6.5. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6.6. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái xung quanh khu vực.

6.7. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

6.8. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.9. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.10. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

6.11. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.